

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/DS-ST

Ngày 25-9-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Biên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Minh

Ông Đỗ Đức Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Thành - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 18/2019/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-DS ngày 20/8/2019, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 06/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: CC5, Bán đảo L, quận H, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T

Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Ông T

Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện B (Theo quyết định ủy quyền số 1792/QĐ-NHCS ngày 09/06/2015 của Tổng giám đốc Ngân hàng C).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N

Chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C-Phòng giao dịch B huyện B.

Văn bản ủy quyền ngày 23/01/2019. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Bà Y, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2018 và trong quá trình giải quyết

nguyên đơn Ngân hàng C-Phòng giao dịch B trình bày:

Từ ngày 08/12/2009 đến ngày 18/05/2013, Ngân hàng C-Phòng giao dịch B giải ngân cho bà Y vay số tiền là 34.400.000 đồng (Ba mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn), thời hạn vay là 108 tháng, thời hạn trả nợ ngày 18/09/2018, mục đích vay vốn để chi phí học tập cho con là sinh viên Đ theo hợp đồng tín dụng số 6000001044108382 và S579211063. Đến hạn, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện B đã nhiều lần làm việc trực tiếp yêu cầu bà Y thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Y vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi. Tính đến hết ngày 03/07/2019, tổng số nợ của bà Y là 38.340.168 đồng, trong đó: nợ gốc: 34.400.000 đồng, nợ lãi: 3.940.168 đồng.

Nay Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện B yêu cầu Tòa án buộc bà Y trả nợ gốc: 34.400.000 đồng, nợ lãi: 3.940.168 đồng.

Bị đơn bà Y đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được vì lý do bà Y vắng mặt.

Sau đó, Ngân hàng C-Phòng giao dịch B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên, đồng thời yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C-Phòng giao dịch B. Buộc bà Y phải trả cho Ngân hàng C-Phòng giao dịch B số tiền nợ gốc: 34.400.000 đồng, nợ lãi: 4.523.428 đồng. Về án phí buộc bà Y chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Y đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền:* Nguyên đơn Ngân hàng C-Phòng giao dịch B khởi kiện yêu cầu bà Y phải trả tổng số tiền nợ gốc: 34.400.000 đồng và nợ lãi phát sinh vì cho rằng chưa thanh toán nên phát sinh tranh chấp. Do vậy, xác định quan hệ “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đối chiếu tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, lời trình bày của nguyên thể hiện:

Từ ngày 08/12/2009 đến ngày 18/05/2013, Ngân hàng C-Phòng giao dịch B giải ngân cho bà Y vay số tiền cụ thể là: Ngày 08/12/2009 số tiền 4.300.000 đồng với mức lãi suất 0,5%/tháng, ngày 20/5/2010 số tiền 4.300.000 đồng với mức lãi suất 0,5%/tháng, ngày 10/12/2010 số tiền 4.300.000 đồng với mức lãi suất 0,5%/tháng, ngày 25/3/2011 số tiền 4.300.000 đồng với mức lãi suất 0,5%/tháng, ngày 18/11/2011 số tiền 4.300.000 đồng với mức lãi suất 0,65%/tháng, ngày 15/3/2012 số tiền 4.300.000 đồng với mức lãi suất 0,65%/tháng, ngày 18/11/2012 số tiền 4.300.000 đồng với mức lãi suất 0,5%/tháng và ngày 18/5/2013 số tiền 4.300.000 đồng với mức lãi suất 0,5%/tháng, tổng cộng là 34.400.000 đồng (Ba mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng chẵn), thời hạn vay là 108 tháng, thời hạn trả nợ ngày 18/09/2018, mục đích để bà Y chi phí học tập cho con là sinh viên Đ theo hợp đồng tín dụng số 6000001044108382 và hợp đồng tín dụng số S579211063.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Y để làm rõ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C-Phòng giao dịch B nhưng bà Y đều vắng mặt nên không có cơ sở khẳng định phía bà Y đã thanh toán số tiền vay, còn Ngân hàng C-Phòng giao dịch B trình bày khẳng định bà Y chưa thanh toán số tiền gốc và lãi.

Qua xác minh thì bà Y đã không còn sinh sống tại thôn B, xã L, huyện B từ trước tháng 02 năm 2019 đến nay nên Ngân hàng C-Phòng giao dịch B trình bày đã đòi nhiều lần nhưng bà Y chưa trả là có cơ sở.

Đối chiếu sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ, các tài liệu chứng cứ kèm theo do ngân hàng cung cấp thì từ khi vay bà Y chỉ trả lãi đến ngày 21/02/2018, chưa trả lãi phát sinh từ ngày 22/02/2018 đến nay và chưa trả nợ tiền gốc khi đến hạn cho Ngân hàng C-Phòng giao dịch B đối với 02 khoản vay nêu trên là đúng sự thật.

Từ những cơ sở phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử buộc bà Y phải trả cho Ngân hàng C-Phòng giao dịch B số tiền vay 34.400.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 22/02/2018 đến ngày 25/9/2019 số tiền là 4.523.428 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 38.923.487 đồng là đúng pháp luật.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C-Phòng giao dịch B được chấp nhận nên buộc bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C-Phòng giao dịch B về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn bà Y.

Buộc bà Y phải trả cho Ngân hàng C-Phòng giao dịch B số tiền vay là 34.400.000 đồng và lãi phát sinh 4.523.428 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 38.923.487 đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm tám mươi bảy đồng).

Tiếp tục duy trì hợp đồng tín dụng số 6000001044108382 và hợp đồng tín dụng số S579211063 cho đến khi bà Y trả nợ xong cho Ngân hàng C-Phòng giao dịch B.

2. Về án phí: Buộc bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.946.174 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Biên